

KINH NGHIỆM TỰ CHỦ CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ BÀI HỌC RÚT RA CHO TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

 NGUYỄN THỊ KIM THOA*

Ngày nhận: 05/03/2018

Ngày phản biện: 20/03/2018

Ngày duyệt đăng: 13/04/2018

Tóm tắt: Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay ở nước ta, các cải cách kinh tế đang diễn ra một cách sâu rộng và triệt để hơn, cùng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã thật sự đặt giáo dục đại học trước những thách thức mới, diễn ra nhanh, tăng sức ép đối với cải cách quản lý giáo dục đại học trên các mặt chủ yếu: khoa học, tài chính, tổ chức và nhân sự. Do đó, đòi hỏi các trường đại học phải thực sự có quyền tự chủ trong công tác đào tạo. Đào tạo không chỉ theo kế hoạch Nhà nước, mà còn đào tạo theo hợp đồng với các tổ chức sử dụng lao động, đáp ứng nhu cầu xã hội với khả năng của nhà trường.

Từ khóa: Trường đại học, tự chủ đại học.

EXPERIENCE AUTONOMY OF UNIVERSITIES AND LESSONS LEARNED FOR THE TRADE UNION UNIVERSITY

Abstract: In the conditions of market economy at present in our country, the economic reforms taking place in a deeper and more radical, with the Industrial Revolution 4th've really put education school before the new challenges is rapid, increasing pressure on management reform of higher education on the major aspects: scientific, financial, organizational and personnel. Therefore, requires universities to actually have autonomy in the training. Training not only according to state plans, but also training under contracts with the employers organization, meet the needs of society with the ability of the school.

Keywords: University, university autonomy.

1. Sự cần thiết phải tự chủ của các trường đại học ở Việt Nam hiện nay

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay ở nước ta, các cải cách kinh tế đang diễn ra một cách sâu rộng và triệt để hơn nhằm tháo gỡ những cản trở về hành chính. Điều này cũng tạo ra môi trường thuận lợi, tác động và tăng sức ép đối với cải cách quản lý giáo dục đại học trên các mặt chủ yếu: khoa học, tài chính, tổ chức và nhân sự. Do đó, đào tạo của các trường đại học cũng chịu sự tác động của các quy luật trong cơ chế thị trường, đặc biệt là quy luật cung cầu, quy luật giá trị... Trường đại học đào tạo không chỉ đáp ứng nhu cầu nhân lực cho khu vực nhà nước mà phải đáp ứng nhu cầu mọi thành phần kinh tế của nền kinh tế quốc dân và đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân.

Mặt khác, hiện nay thế giới đang trong giai đoạn bản lề của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (Cách mạng công nghiệp 4.0), với đặc trưng cơ bản là sự hợp nhất giữa các lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật số, sinh học để giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội, sự kết hợp giữa các hệ thống ảo và thực, các hệ thống kết nối internet. Cách mạng công nghiệp 4.0

sẽ mở ra kỷ nguyên mới của sự lựa chọn các phương án đầu tư kinh doanh, tối ưu hóa sử dụng các nguồn lực, thúc đẩy năng suất lao động và hiệu quả, tạo bước đột phá về tốc độ phát triển, phạm vi mức độ tác động làm biến đổi cơ bản hệ thống sản xuất và quản trị xã hội cả chiều rộng lẫn chiều sâu.

Như vậy, Cách mạng công nghiệp 4.0 thật sự đặt giáo dục đại học trước những thách thức mới. Hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các trường đại học sẽ phải đổi mới với những thay đổi mạnh mẽ cả về tư duy, cơ cấu kiến thức, kỹ năng và phương pháp. Với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ, đòi hỏi giáo dục phải đem lại cho người học cả tư duy những kiến thức kỹ năng mới, khả năng sáng tạo, thích ứng với thách thức và những yêu cầu mới mà các phương pháp giáo dục truyền thống không thể đáp ứng. Đây là thách thức lớn, đặc biệt trong bối cảnh nền giáo dục đại học của Việt Nam đã và đang bộc lộ nhiều hạn chế, cả những yếu tố nền móng và phát triển.

Để khắc phục được sức ép của nền kinh tế thị trường, cùng với những thách thức của Cách mạng

* Trường Đại học Công đoàn

công nghiệp 4.0, đòi hỏi các trường đại học phải thực sự có quyền tự chủ trong công tác đào tạo. Đào tạo không chỉ theo kế hoạch Nhà nước, mà còn đào tạo theo hợp đồng với các tổ chức sử dụng lao động, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân với khả năng của nhà trường.

Một trong những đặc trưng chính của Tự chủ đại học là đại học có toàn quyền quyết định mọi vấn đề thuộc nhiệm vụ, từ công tác tổ chức bộ máy, nhân sự, quản lý, học thuật, cơ sở vật chất, tài chính, định hướng phát triển và các chính sách liên quan... nhằm tạo ra sản phẩm cuối cùng là cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao, đúng chuẩn đầu ra và đảm bảo tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đã công bố; cũng như đào tạo được con người tinh hoa, có năng lực dẫn dắt, sáng tạo, làm thay đổi một hoặc nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Tự chủ đại học cũng có nghĩa trường đại học phải và sẵn sàng tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và xã hội về tất cả mọi hoạt động và sản phẩm do mình tạo ra.

Tại buổi Hội thảo “Tự chủ đại học - Cơ hội và thách thức” diễn ra ngày 30/9/2016 ở Hà Nội, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã nhấn mạnh ý nghĩa và sự cần thiết của tự chủ đại học, Phó Thủ tướng đã chỉ rõ, trong đổi mới giáo dục đại học, xu thế chung là trao quyền tự chủ cho các trường đại học, mục đích là để các trường sử dụng có hiệu quả hơn các nguồn lực, phản ứng tốt trước các tác động của thị trường luôn thay đổi và những yêu cầu mới của xã hội. Theo Phó Thủ tướng, Tự chủ đại học không chỉ là tự chủ về tài chính, mà khi quyền tự chủ của trường đại học càng lớn thì trách nhiệm đối với xã hội càng cao. Trách nhiệm không chỉ trong chất lượng đào tạo mà còn với cả sinh viên, người sử dụng lao động mà còn với công chúng, với Nhà nước.

Tự chủ đại học không phải là một vấn đề mới mẻ, mà đã chính thức được đặt ra tại Việt Nam từ những năm đầu của thập niên trước. Mặc dù vậy, quá trình triển khai mô hình tự chủ đại học ở nước ta hoàn toàn không dễ dàng. Trong gần một thập kỷ qua, vấn đề tự chủ trong giáo dục đại học Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực. Từ chỗ toàn thể hệ thống giáo dục đại học Việt Nam như một trường đại học lớn, chịu sự quản lý nhà nước chặt chẽ về mọi mặt thông qua Bộ GD&ĐT, các trường đại học đã dần được trao quyền tự chủ, thể hiện qua các văn bản pháp quy của Nhà nước:

Điều lệ trường đại học, ban hành theo Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ở Điều 10 đã nêu rõ “trường đại học được quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch phát triển nhà trường,

tổ chức các hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ, tài chính, quan hệ quốc tế, tổ chức và nhân sự”.

Luật Giáo dục ban hành tháng 7 năm 2005 đã đề cập đến ở Điều 14 về việc thực hiện phân công, phân cấp quản lý giáo dục, tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục.

Nghị quyết 14 của Chính phủ (14/2005/NQ-CP ban hành ngày 2 tháng 11 năm 2005) về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020 cũng khẳng định tầm quan trọng của việc hoàn thiện chính sách phát triển giáo dục đại học theo hướng bảo đảm quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của cơ sở giáo dục đại học, sự quản lý của Nhà nước và vai trò giám sát, đánh giá của xã hội đối với giáo dục đại học, theo đó đổi mới cơ chế quản lý cần chuyển các cơ sở giáo dục đại học công lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, có pháp nhân đầy đủ, có quyền quyết định và chịu trách nhiệm về đào tạo, nghiên cứu, tổ chức, nhân sự và tài chính; xóa bỏ cơ chế bộ chủ quản, xây dựng cơ chế đại diện sở hữu nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập.

Thông tư liên tịch của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ (07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV tháng 4 năm 2009) hướng dẫn quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo đã nêu rõ quyền tự chủ của đơn vị trong việc xác định nhiệm vụ xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện; trong việc tổ chức bộ máy và biên chế trong đơn vị; trong việc tuyển dụng, quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

Nghị quyết về đổi mới giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012 (số 05-NQ/BCSD) của Ban cán sự Đảng Bộ GD&ĐT đã nêu lên các giải pháp cụ thể về công tác quản lý, cần phát huy cao độ tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự kiểm soát bên trong của các trường, trên cơ sở các quy định của nhà nước và của các trường, tăng cường công tác giám sát và kiểm tra của nhà nước, của xã hội và của bản thân các trường. Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Tiếp theo đó, Chỉ thị 296 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới quản lý giáo dục trong giai đoạn 2010-2012 (296/CT-TTg, ngày 27 tháng 2 năm 2010) cũng nêu rõ việc đổi mới quản lý giáo dục đại học bao gồm quản lý nhà nước về giáo dục và quản lý của các cơ sở đào tạo là khâu đột phá để tạo ra sự đổi mới toàn diện của giáo dục đại học. Chỉ thị đã nêu rõ trách nhiệm và chế độ của nhà giáo trong đào tạo

và nghiên cứu khoa học, quan hệ giữa Ban giám hiệu, Hội đồng trường, Đảng ủy, các đoàn thể ở trường để từ đó các trường đại học, cao đẳng thực hiện quyền tự chủ và nghĩa vụ tự chịu trách nhiệm trước xã hội và nhà nước theo quy định của Luật Giáo dục.

Nghị quyết 77/NQ-CP của Chính phủ ngày 24/10/2014 về đổi mới cơ chế hoạt động của các trường đại học công lập giai đoạn 2014 - 2017 theo hướng thí điểm tự chủ toàn diện là một đột phá trong nỗ lực tìm hướng cải cách hệ thống đại học công lập tại Việt Nam; và thực chất là việc thí điểm trao quyền "tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện" cho các cơ sở giáo dục đại học trên 3 phương diện: học thuật, tổ chức - nhân sự, tài chính.

Gần đây nhất là Dự thảo Luật giáo dục đại học được xây dựng cũng quan tâm rất nhiều đến vấn đề tự chủ của cơ sở giáo dục đại học. Quyền tự chủ đại học được coi là đã được thể hiện ở nhiều điều khoản của Dự luật về Hội đồng trường, Hội đồng quản trị, Hiệu trưởng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở giáo dục, tuyển sinh, chương trình giáo dục, văn bằng, học phí, lệ phí tuyển sinh, v.v...

2. Kinh nghiệm tự chủ đại học của một số trường đại học

2.1. Kinh nghiệm từ Đại học Quốc gia Hà Nội

Thực hiện quyền tự chủ được Nhà nước giao, Đại học quốc gia Hà Nội đã thực hiện phân cấp quản lý theo hướng tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm xã hội cao trong các lĩnh vực hoạt động của các đơn vị thành viên và các đơn vị trực thuộc, bằng việc ban hành các văn bản hướng dẫn phù hợp với năng lực, điều kiện và hiệu quả hoạt động của từng đơn vị đồng thời đảm bảo sự chỉ đạo, điều phối, thống nhất và kiểm tra giám sát của Đại học quốc gia Hà Nội và thúc đẩy liên thông, liên kết toàn diện giữa các đơn vị, sử dụng hiệu quả các nguồn lực chung, tạo thêm giá trị gia tăng để nâng cao chất lượng, hiệu quả mọi hoạt động.

Cơ chế quản lý điều hành hợp lý được hoàn thiện và phát huy hiệu quả: Các đơn vị trực thuộc Đại học quốc gia Hà Nội được tổ chức và hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm xã hội cao, mở và liên thông, liên kết, phát huy lợi thế chuyên môn hóa trong khuôn khổ quản lý và điều phối thống nhất của ĐHQGHN, kết hợp chặt chẽ đào tạo và NCKH, phối hợp hiệu quả giữa các ngành, lĩnh vực, sử dụng chung đội ngũ cán bộ khoa học (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, ngoại ngữ, lý luận chính trị, giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất...) và cơ sở vật chất - kỹ thuật (phòng thí nghiệm, thư viện, ký túc xá, phòng tập, sân bãi, hạ tầng công nghệ thông

tin...) của Đại học quốc gia Hà Nội. Cơ cấu tổ chức ĐHQG như vậy cho phép các đơn vị chủ động tập trung các nguồn lực cho việc xây dựng đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất... liên quan đến chuyên ngành đào tạo, lĩnh vực nghiên cứu đặc thù của mình.

Quản trị trong Đại học quốc gia Hà Nội được thực hiện theo cách tiếp cận quản lý sản phẩm đầu ra, thực hiện việc tăng quyền tự chủ gắn với việc nâng cao tự chịu trách nhiệm của các đơn vị; chất lượng kết quả/sản phẩm được giám sát chặt chẽ dựa vào các tiêu chí định lượng. Đặc biệt là chất lượng các đơn vị đào tạo và chương trình giáo dục trong Đại học quốc gia Hà Nội được giám sát chặt chẽ thông qua hoạt động kiểm định chất lượng với các bộ Tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng trường thành viên và khoa trực thuộc Đại học quốc gia Hà Nội và Tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng chương trình giáo dục trong Đại học quốc gia Hà Nội với Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục trong Đại học quốc gia Hà Nội được xây dựng khoa học, thực hiện đều đặn theo các chu kỳ nghiêm túc, đầy đủ. Hơn thế nữa, Đại học quốc gia Hà Nội còn khuyến khích, động viên các trường thành viên tham gia kiểm định của các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín nhằm thúc đẩy nhanh hơn nữa việc nâng cao chất lượng và quá trình hội nhập.

2.2. Kinh nghiệm từ Đại học Tôn Đức Thắng

Trường đại học Tôn Đức Thắng là trường thực hiện tự chủ tài chính từ lâu, nên việc tự chủ về nhân sự, đầu tư, mua sắm cũng đã thực hiện từng phần trên một số lĩnh vực sau:

*) Về mở ngành, chuyên ngành đào tạo:

Trước khi có quyết định thí điểm, Trường có 30 ngành đào tạo đại học (mã ngành cấp 4); 08 ngành đào tạo bậc cao đẳng; 06 ngành đào tạo thạc sĩ, 10 ngành đào tạo tiến sĩ theo hình thức Sandwich. Sau khi có Quyết định 158/QĐ-TTg, Trường đã triển khai nghiên cứu, xây dựng tất cả chương trình đào tạo các ngành bậc đại học, cao học theo chuẩn quốc tế trên cơ sở chương trình đào tạo của các trường thuộc TOP 100 của thế giới và bắt đầu áp dụng đưa vào giảng dạy từ Năm học 2016-2017 (các chương trình này vẫn đủ các môn học bắt buộc theo quy định hiện nay của Bộ GD&ĐT).

Bên cạnh đó, Trường đã triển khai xây dựng và chuẩn hóa quy trình về hoạt động mở ngành các trình độ đào tạo đại học và sau đại học; ban hành Quy định về hoạt động mở ngành đào tạo trình độ đại học và sau đại học; các thủ tục quy trình hướng dẫn thực hiện hoạt động mở ngành; xây dựng và công bố bộ chuẩn đầu ra cho tất cả các ngành, chuyên ngành đào tạo đại học, thạc sĩ với tiêu chuẩn

cao cả về kiến thức ngành, trình độ tiếng Anh chuẩn quốc tế, trình độ tin học văn phòng chuẩn MOS, kỹ năng thể chất, kỹ năng mềm... để bảo đảm rằng sinh viên đáp ứng được mọi yêu cầu của đơn vị tuyển dụng.

Đến nay, Đại học Tôn Đức Thắng có 15 ngành đào tạo bậc Tiến sĩ; 12 ngành Thạc sĩ; 37 ngành Đại học; 16 chương trình đào tạo chất lượng cao; hơn 10 Chương trình liên kết quốc tế và đào tạo cao đẳng (theo Luật giáo dục nghề nghiệp). Chất lượng đào tạo của Trường đã bảo đảm đúng cam kết với xã hội khi 98,15% sinh viên tốt nghiệp các ngành có việc làm trong vòng 12 tháng sau khi ra trường vào năm 2016. Nhiều ngành có tỷ lệ 100% sinh viên ra trường có việc làm.

*) Về liên kết đào tạo với nước ngoài

Trường đã triển khai chương trình liên kết đào tạo 3+1 với Đại học Saxion (Hà Lan), Đại học Lunghwa (Đài Loan); chương trình 2+2 với Đại học kỹ thuật Ostrava, Cộng hòa Séc; chương trình đào tạo tiến sĩ sandwich với các trường đại học của Cộng hòa Séc. Sau khi có Quyết định 158/QĐ-TTg, Trường đã ban hành Quy chế về hoạt động liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục nước ngoài và tiếp tục các chương trình đào tạo trên. Hiện đang triển khai thêm chương trình liên kết đào tạo 2+2, 2.5+1.5, 3+1 với nhiều trường đại học thuộc TOP 500 trên thế giới.

Đồng thời với việc triển khai xây dựng và đưa vào giảng dạy theo chương trình đào tạo của các trường TOP 100, trường cũng đã đàm phán để xây dựng chương trình liên kết đào tạo chung với các đối tác quốc tế để cùng cấp song bằng (Dual Degrees), nhằm tạo điều kiện để sinh viên có thể học tập liên thông tại các trường nước ngoài và sinh viên nước ngoài cũng có thể học tập liên thông tại Đại học Tôn Đức Thắng.

*) Về nghiên cứu khoa học:

Hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường được đầu tư và phát triển bằng ngân sách tự có của Trường ngay từ đầu; và mục tiêu hay kết quả nghiên cứu đã chọn đi theo tiêu chuẩn quốc tế kể từ năm 2010. Ngoài việc đặt mục tiêu: "làm đúng ngay từ đầu trong hoạt động khoa học-công nghệ"; Trường đã tự thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (FOSTECT) để tài trợ kinh phí cho các đề tài nghiên cứu khoa học, cho các nhà khoa học cả trong và ngoài nước. Giới khoa học của trường không phải chỉ lệ thuộc một chiều vào kinh phí tài trợ bên ngoài hay khả năng xin đề tài, tài trợ; mà nếu giỏi, hoàn toàn có thể đăng ký sử dụng kinh phí từ FOSTECT. Cũng như hợp tác triệt để với các đại học hàng đầu thế giới hằng năm thường xuyên tổ chức các Hội

thảo quốc tế mà Kỷ yếu được index bởi Thompson Reuter, Taylor and Francis hoặc Springer.

Nhà trường đã thành lập Ủy ban đạo đức khoa học để đề ra các chính sách và điều khoản tham chiếu, thẩm định các vấn đề liên quan đến đạo đức trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Hiện nay, Nhà trường đã có 43 nhóm nghiên cứu trọng điểm, trong đó có 23 trưởng nhóm là các giáo sư người nước ngoài hoặc đang sinh sống, làm việc tại nước ngoài. Trường đã thành lập 2 Tạp chí tiếng Anh online toàn cầu: Tạp chí thông tin và viễn thông: JIT (được xuất bản bởi Nhà xuất bản danh tiếng Taylor and Francis, Anh Quốc); Tạp chí công nghệ tiên tiến và tính toán: JAEC, với mục tiêu trong vòng 3 đến 5 năm sẽ được index vào Cơ sở dữ liệu SCOPUS. Đại học Tôn Đức Thắng cũng là đại học đầu tiên trang bị "Siêu máy tính"; xây dựng Thư viện chuyên dụng hiện đại nhất đất nước để phục vụ nghiên cứu, đào tạo; và số hóa hoạt động đại học bằng ngân sách tự có của Trường.

*) Về tổ chức bộ máy, nhân sự

Hiện nay, Trường có 5 cơ sở tại các địa phương gồm 15 khoa; 01 Viện hợp tác quốc tế, 01 Viện nghiên cứu; 17 Phòng - Ban - Trung tâm chức năng; 01 Quỹ hỗ trợ phát triển khoa học - công nghệ, 02 tạp chí khoa học - công nghệ; 14 Trung tâm khoa học - công nghệ; 1 công ty. Trường có hệ thống quản trị đào tạo và nghiên cứu đạt chuẩn chất lượng ISO 9001:2015, được chứng nhận bởi DNV và công nhận của UKAS, Vương quốc Anh.

Hội đồng trường do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định công nhận theo Điều lệ trường đại học, có 17 thành viên; Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hiện đang làm Chủ tịch Hội đồng trường. Tổ chức, quản lý nhân sự được thực hiện theo pháp luật về viên chức; được phép tuyển dụng và sử dụng đội ngũ nhân sự bao gồm cả người ngoài độ tuổi lao động còn đủ sức khỏe và năng lực làm việc.

Trường cũng đã ban hành Đề án vị trí việc làm năm 2015 và giai đoạn 2016 - 2019, trên cơ sở đó xác định tổng biên chế theo từng giai đoạn và cơ cấu nhân lực đáp ứng với yêu cầu phát triển của Nhà trường theo định hướng đại học nghiên cứu.

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân lực của Trường cũng được chú trọng quan tâm về số lượng và chất lượng, Nhà trường đã tổ chức tuyển dụng thường xuyên hàng tháng; theo kế hoạch, quy trình, quy định; đảm bảo quy hoạch, thực hiện công khai các tiêu chuẩn và nhu cầu của đơn vị; tổ chức kiểm tra tay nghề giáo viên, viên chức hành chính trong quy trình tuyển dụng, tiến hành nhiều chính sách thu hút chuyên

gia, nhà khoa học, tiến sĩ nước ngoài; nâng cao trình độ giảng viên, nhân viên toàn Trường thông qua các chương trình: học tập nâng cao chuyên môn ở nước ngoài, học tập nâng cao kỹ năng tiếng Anh bắt buộc cho giảng viên, viên chức như tích cực xin học bổng để đào tạo tiến sĩ cho viên chức trẻ ở các đại học TOP 500, có chính sách buộc toàn thể giảng viên, viên chức dưới 55 tuổi phải học tiếng Anh đến IELTS: 5.5 nhằm dễ dàng đi nước ngoài nâng cao trình độ chuyên môn và tham gia chương trình trao đổi giáo sư với các đại học hàng đầu. Kết quả trong toàn thể hơn 1300 viên chức của Trường, lực lượng chuyên môn chiếm 900 người và trong số này, hơn 50% là tiến sĩ/và NCS giai đoạn cuối.

Hầu hết các hoạt động quản trị đại học của đại học Tôn Đức Thắng đã được tin học hóa, quản lý vận hành bằng phần mềm; đang xây dựng hệ thống đại học kỹ thuật số. Công tác giám sát được thực hiện thường xuyên. Các quy định, quy chế được rà soát tổng hợp sửa đổi bổ sung, hoàn thiện, đồng bộ theo tinh thần Quyết định 158/QĐ-TTg và phù hợp với thực tiễn hoạt động.

*) Về tài chính, quản lý tài sản và đầu tư mua sắm

Từ lâu Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã xây dựng và thực hiện các quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế sử dụng tài sản, quy chế dân chủ cơ sở, quy chế công khai tài chính, trách nhiệm giải trình cụ thể. Hàng năm, Trường rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế trên cơ sở dân chủ, công khai tại Hội nghị cán bộ, viên chức; trả lời các chất vấn và giám sát; thực hiện chế độ hạch toán kế toán, thống kê, thông tin, báo cáo hoạt động theo đúng quy định nhà nước.

Trường thực hiện đúng các quy định nhà nước về đầu tư và quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị mặc dù nguồn vốn không phải là Ngân sách nhà nước. Công tác kiểm toán độc lập được thực hiện hằng năm. Kiểm toán Nhà nước và các cơ quan chức năng của Tổng Liên đoàn, Bộ GD&ĐT, Bộ tài chính cũng định kỳ tổ chức các hoạt động kiểm toán, kiểm tra, giám sát tại Trường... Thu học phí đang thực hiện theo Quyết định 158/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3. Bài học kinh nghiệm cho Trường Đại học Công đoàn trong tự chủ đại học

Từ kinh nghiệm thực tiễn của một số trường đại học về vấn đề tự chủ đại học có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Nhà trường nhằm đạt đến mục đích cơ bản nhất là nâng cao được chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Trước hết, xây dựng quyền Tự chủ trong quản lý điều hành nhà trường: Điều kiện đầu tiên để tự chủ là cần có những chính sách mang tính đột phá về

quản lý nhân sự trong nhà trường, cụ thể là trao cho Hiệu trưởng quyền tự chủ hoàn toàn trong việc tuyển dụng, bổ nhiệm, xác định mức lương và các đãi ngộ khác, cũng như bãi nhiệm các nhân sự chủ chốt trong hệ thống, miễn sao có thể đạt được các mục tiêu phát triển của nhà trường. Đồng thời, giao cho Hiệu trưởng Nhà có thẩm quyền và điều kiện để thu hút các giảng viên và các nhà khoa học giỏi về làm việc, bổ nhiệm họ vào các vị trí xứng đáng với năng lực; cũng như có thẩm quyền loại bỏ những người đang có trong biên chế, thậm chí có chức vụ trong hệ thống nhưng không có đủ năng lực hoặc trách nhiệm để thực hiện tốt công việc.

Bên cạnh đó, cần tăng cường bộ máy điều hành và quản lý toàn bộ hoạt động của nhà trường, dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban giám hiệu cùng với các bộ phận chức năng tham mưu giúp việc gồm: các phòng, khoa, trung tâm.

Thứ hai, xây dựng quyền Tự chủ về tài chính: Tự chủ về tài chính bao gồm tự chủ về các nguồn thu, chi. Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ đã nói đến việc giao quyền tự chủ tài chính cho các "đơn vị sự nghiệp dịch vụ công", trong đó có các trường đại học. Học phí phải đủ bù chi phí đào tạo, mức học phí do các trường tự quyết định, tuy nhiên mức học phí cần tương quan với chất lượng đào tạo để thu hút sinh viên.

Thứ ba, xây dựng quyền Tự chủ trong tuyển dụng và quản lý đội ngũ cán bộ và xác định điều kiện làm việc của họ, đó là Nhà trường có thể chủ động tuyển chọn, bố trí giảng viên và cán bộ vào các vị trí lao động cần thiết, đồng thời có quyền tự chủ trong việc xác định các điều kiện cho cán bộ và đặc biệt giảng viên làm việc thuận lợi. Bên cạnh đó, các giảng viên cũng có quyền tham gia các công việc khác trong và ngoài nhà trường để tạo thêm thu nhập. Quyền tự chủ trong tuyển dụng và quản lý đội ngũ là điều kiện để Nhà trường thực hiện có hiệu quả chức năng và nhiệm vụ đào tạo của Nhà trường.

Để tuyển dụng và quản lý đội ngũ cán bộ có hiệu quả, Nhà trường cần tận dụng tối đa trình độ chuyên môn cao của những giảng viên có trình độ, có học hàm, học vị đang công tác tại trường; đồng thời nhanh chóng tuyển dụng và phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên cơ hữu trẻ.

Thứ tư, xây dựng quyền Tự chủ trong hoạt động đào tạo, tuyển sinh, đó là tự chủ về tuyển sinh; ngành đào tạo; chương trình, giáo trình đào tạo; giáo trình học liệu, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên, ... Trong đó, tuyển sinh là một khâu quan trọng của quá trình đào tạo, số lượng tuyển sinh phải trên cơ sở nhu cầu học tập,

nhu cầu nhân lực của xã hội, phụ thuộc vào năng lực về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, tài chính, khả năng quản lý giảng dạy của Nhà trường.

Ngoài ra, Nhà trường cần tự chủ trong nghiên cứu và xuất bản, giảng dạy và hướng dẫn học viên cao học, các ưu tiên trong nghiên cứu và quyền tự do xuất bản

Thứ năm, xây dựng quyền Tự chủ trong xác định các chuẩn mực và phương pháp đánh giá

Để đảm bảo quyền tự chủ này, Nhà trường cần xác định các chuẩn mực và thực hiện các chuẩn mực đó, còn việc đánh giá và giám sát việc thực hiện các chuẩn mực là trách nhiệm của các cơ quan quản lý bên ngoài. Vì vậy, các khoa, bộ môn và các phòng có trách nhiệm trong việc cùng với Ban Giám hiệu xây dựng các chuẩn mực và thực hiện nghiêm các chuẩn mực đó. Đồng thời, Nhà trường cũng cần có quyền tự chủ trong các chuẩn mực học thuật, như các tiêu chuẩn của văn bằng, các vấn đề liên quan đến kiểm tra và kiểm định chất lượng.

Tuy nhiên, để thực hiện có hiệu quả năm quyền tự chủ ban đầu trong năm lĩnh vực hoạt động chính trên, Nhà trường cần xác định mức độ tự chủ nhất định cho từng lĩnh vực tùy theo những thay đổi của điều kiện thị trường. Trước mắt, nên tập trung vào quyền tự chủ trong tuyển dụng và quản lý đội ngũ cán bộ, đó là chú trọng công tác quy hoạch đội ngũ nhân lực; Nhà trường cần xây dựng chuẩn tuyển dụng đội ngũ giảng viên; xây dựng quy trình tuyển dụng cán bộ hợp lý; sử dụng, bố trí đúng người, đúng việc phù hợp với năng lực, sở trường của mỗi người; cần quan tâm về số lượng và chất lượng, tạo dựng đội ngũ mạnh, đủ về số lượng, khỏe về chất lượng; Nhà trường cần xây dựng kế hoạch, quy trình, quy định; đảm bảo quy hoạch, thực hiện công khai các tiêu chuẩn và nhu cầu của Nhà trường; tổ chức kiểm tra trình độ, tay nghề của giảng viên, viên chức hành chính theo quy trình tuyển dụng, tiến hành nhiều chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học, tiến sĩ nước ngoài; nâng cao trình độ giảng viên, nhân viên toàn Trường. Có như vậy, Nhà trường mới đạt được mục đích cơ bản nhất là nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, góp phần tạo dựng và củng cố uy tín, thương hiệu Trường Đại Công đoàn trong hệ thống các trường đại học Việt Nam cũng như trong khu vực. □

Tài liệu tham khảo

1. Luật Giáo dục đại học 2012 và cụ thể hóa hơn trong Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.
2. Nghị quyết 77/NQ-CP của Chính phủ ngày 24/10/2014 về đổi mới cơ chế hoạt động của các trường đại học công lập giai đoạn 2014-2017 theo hướng thí điểm tự chủ toàn diện.

3. Hoàng Thị Xuân Hoa: *Tự chủ đại học - Xu thế của phát triển*, VNU Media.
4. Phan Thị Bích Nguyệt: *Tự chủ đại học và các vấn đề nhức nhối cần lời giải*, Hội thảo “Tự chủ Đại học - Cơ hội và thách thức” do Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam tổ chức ngày 30/9/2016.
5. Hoàng Thị Cẩm Thương: *Giải pháp tăng cường tự chủ đại học ở Việt Nam*, Tạp chí Tài chính, kỳ 1, số tháng 3/2017.
6. Nguyễn Minh Thuyết: *Tự chủ đại học - Thực trạng và giải pháp*, Đối thoại Giáo dục Việt Nam lần thứ nhất với chủ đề Cải cách giáo dục đại học ở Việt Nam, ngày 31/07 và 01/08/2014 tại TP Hồ Chí Minh.
7. <https://baomoi.com/tac-dong-cua-cuoc-cach-mang-cong-nghiep-4-0-doi-voi-co-so-giao-duc-dai-hoc-o-viet-nam-va-goi-y-chinh-sach-cho-viet-nam/c/23125511.epi>;
8. <http://vienphuongdong-ordl.vn/tu-chu-dai-hoc-cau-chuyen-tu-thuc-tien-dai-hoc-ton-duc-thang-gsts-le-vinh-danh/>.

BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở VIỆT NAM...

(Tiếp theo trang 60)

3. Chính phủ (2009), *Nghị định Về trợ giúp phát triển DNNVV*, số 56/2009/NĐ-CP.
4. Cục phát triển doanh nghiệp, Bộ kế hoạch và Đầu tư (2014), *Sách trắng doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam năm 2014*, Nhà xuất bản Thống kê.
5. Hoàng Văn Hoa (2012), “Phát triển đội ngũ nữ doanh nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”, Tạp chí Phát triển kinh tế, Số 260, tr.2-9.
6. Vũ Long, “80% DNNVV do nữ làm chủ khó tiếp cận vốn vay: Vì sao vậy?” <http://theleader.vn/80-doanh-nghiep-nho-va-vua-do-nu-lam-chu-kho-tiep-can-von-vay-vi-sao-vay-20170927144259854.htm> [14:42, 27/09/2017].
7. OECD (2012), *Share, size and industry of women-owned enterprises, in entrepreneurship at a Glance 2012*, OECD Publishing.
8. Quốc hội (2006), *Luật Bình đẳng giới* (Luật số: 73/2006/QH11 ngày 29/11/2006).
9. Quốc hội (2017), *Luật Hỗ trợ DNNVV* (Luật số: 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017).
10. Thảo Vi (2017), “Bình đẳng giới là trung tâm của sự phát triển kinh tế và nguồn nhân lực”, <http://baodansinh.vn/binh-dang-gioi-la-trung-tam-cua-su-phat-trien-kinh-te-va-nguon-nhan-luc-d64821.html> [0:23 29/09/2017].
11. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định Phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”*, số 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017.
12. Tổng cục Thống kê (2017), *Niên giám thống kê năm 2016*, Nhà xuất bản Thống kê.
13. VCCI và USAID (2015), *Dữ liệu từ khảo sát Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2015*, Báo cáo khảo sát.
14. World Bank (2015). *The Enterprise Survey: Gender*, <http://www.enterprisesurveys.org/data/exploretopics/gender> [accessing on July 15, 2016].